

Số: 1398/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
cho sinh viên đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên chính quy ngày 20/7/2022 của Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho 479 sinh viên đại học hệ chính quy dự thi đợt tháng 4,5/2022 (bổ sung), trong đó:

* Khoá 12 (2016-2020): 68 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Công tác xã hội: 05 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 10 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 05 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 09 sinh viên.

* Khoá 13 (2017-2021): 180 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 08 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 10 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 44 sinh viên;



- + Ngành Quản trị kinh doanh: 18 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 16 sinh viên;
- + Ngành Tâm lý học: 09 sinh viên.
- * Khoá 14 (2018-2022): 254 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 12 sinh viên;
 - + Công tác xã hội: 12 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 60 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 14 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 17 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 57 sinh viên;
 - + Luật Kinh tế: 05 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 02 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 04 sinh viên.
- * Khoá 15 (2019-2023): 350 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 05 sinh viên;
 - + Công tác xã hội: 01 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 57 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 20 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 33 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 28 sinh viên;
 - + Luật Kinh tế: 25 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 01 sinh viên.
- * Khoá 16 (2020-2024): 116 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 06 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 04 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 13 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 01 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường phòng Kế toán - Tài chính, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC (BỔ SUNG) ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
ĐỢT THI THÁNG 4,5 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **1898** /QĐ-ĐHLĐXH ngày **22**/07/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1	ĐẠI HỌC KHÓA 12					
1	1112040192	Phùng Thị An Cư	13/08/1998	D12CT03	Công tác xã hội	465
2	1112040156	Tô Quỳnh Hoa	19/10/1998	D12CT03	Công tác xã hội	585
3	1112040233	Nguyễn Đình Ngọc	27/06/1996	D12CT04	Công tác xã hội	710
4	1112040259	Hà Lê Thảo	27/02/1998	D12CT04	Công tác xã hội	740
5	1112040184	Trịnh Thị Linh	26/07/1998	D12CT03	Công tác xã hội	810
6	1112020003	Phan Thị Khánh Linh	03/09/1998	D12KT01	Kế toán	515
7	1112020088	Bùi Thị Lý	04/05/1998	D12KT02	Kế toán	525
8	1112020002	Nguyễn Thị Huế	02/02/1998	D12KT01	Kế toán	540
9	1112020429	Nguyễn Thị Thu	26/08/1998	D12KT06	Kế toán	570
10	1112020527	Vũ Thị Thủy Linh	31/07/1998	D12KT08	Kế toán	575
11	1112020468	Nguyễn Thị Trang	18/05/1998	D12KT07	Kế toán	595
12	1112020471	Phạm Thị Thảo	27/03/1998	D12KT07	Kế toán	695
13	1112020487	Hoàng Kim Ngân	10/07/1998	D12KT07	Kế toán	695
14	1112020005	Khúc Ngọc Thiện Quang	12/01/1998	D12KT01	Kế toán	705
15	1112020668	Bùi Hương Giang	09/11/1998	D12KT09	Kế toán	760
16	1112050020	Trần Thị Cẩm Hà	22/02/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	535
17	1112050101	Vũ Khánh Huyền	25/09/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	540
18	1112050273	Ngô Văn Duy	21/02/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	570
19	1112050081	Nguyễn Thị Phượng	16/10/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	655
20	1112050275	Phan Thùy Dung	07/03/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	800
21	1112010221	Phạm Thị Thu Hằng	27/05/1998	D12QL03	Quản trị nhân lực	425
22	1112010159	Đinh Trung Hiếu	18/09/1998	D12QL03	Quản trị nhân lực	475
23	1112010671	Nguyễn Minh Thu	29/10/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	595
24	1112010375	Ngô Tiến Thành	10/06/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	635
25	1112010300	Lê Hương Giang	31/07/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	645

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
26	1112010114	Đinh Thị Thảo	30/04/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	695
27	1112010438	Nguyễn Đình Luân	23/10/1998	D12QL06	Quản trị nhân lực	710
28	1112010565	Nguyễn Thị Giang	19/10/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	740
29	1112010075	Nguyễn Thị Thương	14/01/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	790
II ĐẠI HỌC KHÓA 13						
30	1113030048	Tổng Thị Thu Hoài	30/09/1999	D13BH01	Bảo hiểm	420
31	1113030079	Khuất Thị Dung	04/12/1999	D13BH02	Bảo hiểm	420
32	1113030180	Trịnh Thị Thanh Thủy	24/09/1999	D13BH03	Bảo hiểm	480
33	1113030008	Đinh Thị Bình	06/02/1999	D13BH01	Bảo hiểm	535
34	1113030169	Nguyễn Thị Hào	05/08/1999	D13BH03	Bảo hiểm	575
35	1113030108	Nguyễn Thị Thu Phương	08/12/1999	D13BH02	Bảo hiểm	645
36	1113030135	Nguyễn Tuấn Linh	05/12/1999	D13BH02	Bảo hiểm	710
37	1113030129	Trịnh Thị Yến	20/02/1998	D13BH02	Bảo hiểm	825
38	1113040284	Quảng Văn Dung	20/11/1999	D13CT05	Công tác xã hội	420
39	1113040027	Nguyễn Anh Dũng	24/06/1999	D13CT01	Công tác xã hội	455
40	1113040001	Thần Văn Mạch	08/11/1999	D13CT01	Công tác xã hội	480
41	1113040069	Ninh Minh Thành	01/09/1999	D13CT01	Công tác xã hội	525
42	1113040113	Dương Công Cường	06/08/1998	D13CT02	Công tác xã hội	570
43	1113040183	Lương Hồng Hải	23/08/1998	D13CT03	Công tác xã hội	575
44	1113040242	Vũ Thị Thanh Thư	15/03/1999	D13CT04	Công tác xã hội	595
45	1113040108	Đào Thị Thư	25/11/1999	D13CT05	Công tác xã hội	760
46	1113040124	Nghiêm Đức Trường	20/10/1998	D13CT05	Công tác xã hội	800
47	1113040325	Đỗ Quốc Khánh	05/07/1999	D13STC10 1	Công tác xã hội	820
48	1113020126	Phạm Thị Hương Giang	01/11/1999	D13KT02	Kế toán	425
49	1113020553	Hoàng Trà My	25/04/1999	D13KT08	Kế toán	450
50	1113020582	Đinh Thu Huyền	13/04/1999	D13KT08	Kế toán	460
51	1113020417	Lê Thị Mai Linh	08/05/1999	D13KT06	Kế toán	475
52	1113020171	Trần Thị Mai	20/02/1999	D13KT03	Kế toán	480
53	1113020422	Lê Phương Thảo	14/01/1999	D13KT06	Kế toán	495
54	1113020503	Nguyễn Đăng Dũng	07/06/1999	D13KT07	Kế toán	500
55	1113020406	Lưu Thị Phi Nhung	15/10/1999	D13KT06	Kế toán	515
56	1113020601	Cao Thị Ngọc Thư	17/10/1999	D13KT09	Kế toán	515
57	1113020297	Đặng Hồng Điệp	17/04/1999	D13KT04	Kế toán	525
58	1113020063	Dương Minh Ngọc	26/05/1999	D13KT01	Kế toán	540

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
59	1113020345	Dương Thị Thắm	15/10/1999	D13KT05	Kế toán	540
60	1113020488	Nguyễn Thị Kiều Vân	03/11/1999	D13KT07	Kế toán	570
61	1113020606	Vũ Thị Liên	18/07/1999	D13KT09	Kế toán	570
62	1113020362	Trịnh Duy Thành An	28/04/1999	D13KT05	Kế toán	575
63	1113020435	Đặng Hoài Thu	02/02/1999	D13KT06	Kế toán	575
64	1113020590	Nguyễn Thị Trang	29/04/1999	D13KT08	Kế toán	575
65	1113020011	Vương Thị Thu Trang	26/05/1999	D13KT01	Kế toán	585
66	1113020154	Vũ Thị Thủy Chi	22/05/1999	D13KT03	Kế toán	595
67	1113020272	Lê Hoài Thanh	11/09/1999	D13KT04	Kế toán	595
68	1113020266	Cao Thị Hậu	08/10/1999	D13KT04	Kế toán	600
69	1113020555	Nguyễn Thị Oanh	30/06/1999	D13KT08	Kế toán	605
70	1113020108	Phạm Thị Minh Nguyệt	08/09/1999	D13KT10	Kế toán	605
71	1113020334	Phạm Thị Thảo	10/02/1999	D13KT05	Kế toán	620
72	1113020091	Đinh Thị Bảo Anh	15/01/1999	D13KT02	Kế toán	625
73	1113020286	Nguyễn Phương Chinh	13/11/1999	D13KT04	Kế toán	625
74	1113020560	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/12/1999	D13KT08	Kế toán	625
75	1113020033	Trần Khánh Linh	01/02/1999	D13KT01	Kế toán	655
76	1113020404	Vũ Thị Hoàng Yến	30/06/1999	D13KT06	Kế toán	655
77	1113020184	Vương Minh Lý	28/03/1999	D13KT03	Kế toán	695
78	1113020392	Nguyễn Huệ Thu	13/02/1999	D13KT10	Kế toán	695
79	1113020638	Ngô Thị Hải Phương	08/12/1999	D13KT09	Kế toán	705
80	1113020069	Trần Thị Phương	16/08/1999	D13KT01	Kế toán	725
81	1113020320	Mai Thị Hiền	23/01/1999	D13KT10	Kế toán	725
82	1113020637	Nguyễn Phương Mai	22/03/1999	D13KT09	Kế toán	730
83	1113020212	Nguyễn Gia Linh	13/07/1999	D13KT03	Kế toán	790
84	1113020329	Trần Hải Anh	31/07/1999	D13KT05	Kế toán	800
85	1113020431	Nguyễn Lê Nhật Hương	06/11/1999	D13KT06	Kế toán	800
86	1113020588	Nguyễn Tuấn Nghĩa	11/04/1999	D13KT10	Kế toán	805
87	1113020194	Nguyễn Thủy Dương	11/12/1999	D13KT03	Kế toán	815
88	1113020121	Ngô Thùy Trang	01/06/1999	D13KT02	Kế toán	820
89	1113020251	Nguyễn Thị Vân Anh	24/07/1999	D13KT10	Kế toán	825
90	1113020419	Nguyễn Khánh Ly	16/11/1999	D13KT06	Kế toán	855
91	1113020030	Phan Thị Thu Hương	02/10/1999	D13KT01	Kế toán	870
92	1113050107	Tô Hồng Hạnh	25/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	480

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
93	1113050103	Bùi Thị Như Hoa	09/05/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	540
94	1113050145	Trần Quốc Đạt	15/03/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	540
95	1113050373	Bùi Minh Hằng	01/03/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	570
96	1113050397	Vũ Thị Hương Trà	16/04/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	585
97	1113050320	Phan Diệu Linh	04/04/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	620
98	1113050073	Phạm Hương Dịu	23/05/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	625
99	1113050033	Lại Thị Minh Ngọc	12/07/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	635
100	1113050211	Phạm Thị Thu Thùy	07/07/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	650
101	1113050204	Vũ Thị Lan Anh	20/06/1998	D13QK03	Quản trị kinh doanh	655
102	1113050312	Lê Thị Thơm	27/01/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	655
103	1113050112	Phạm Thị Thảo Vân	09/11/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	660
104	1113050130	Nguyễn Ngọc Linh	09/06/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	675
105	1113050034	Trương Thị Thúy Vân	17/01/1998	D13QK01	Quản trị kinh doanh	695
106	1113050218	Cát Kim Liên	04/12/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	695
107	1113050022	Trần Phương Uyên	22/06/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	715
108	1113050046	Lưu Thị Trang	05/09/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	760
109	1113050113	Lê Thị Ngọc Hạnh	08/05/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	760
110	1113010391	Trịnh Thị Hồng Khánh	02/09/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	420
111	1113010369	Nguyễn Thị Phúc	27/03/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	425
112	1113010071	Phạm Thị Minh Thu	03/11/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	450
113	1113010282	Trần Thị Thanh Hương	22/04/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	475
114	1113010087	Phạm Thu Hiền	11/05/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	475
115	1113010069	Lê Thị Trang	30/11/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	480
116	1113010305	Nguyễn Thị Lan	03/05/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	480
117	1113010416	Nguyễn Thanh Huyền	25/08/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	480
118	1113010225	Thần Thị Thanh Lam	27/10/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	535
119	1113010008	Nguyễn Mai Hương	24/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	540
120	1113010107	Nguyễn Đạo An	28/01/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	595
121	1113010424	Đỗ Thị Thư	15/09/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	635
122	1113010278	Trần Thúy Nga	21/03/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	645
123	1113010412	Nguyễn Thị Đồng	21/12/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	655
124	1113010264	Vũ Thanh Nga	14/12/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	760
125	1113010032	Bùi Trang Nhung	29/10/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	915
126	1113070048	Nguyễn Thị Trang	12/02/1998	D13TL01	Tâm lý học	500

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
127	1113070049	Đặng Ngọc Minh	20/11/1999	D13TL01	Tâm lý học	525
128	1113070033	Nguyễn Thị Bích Phượng	16/06/1999	D13TL01	Tâm lý học	535
129	1113070023	Phạm Phong Hải	19/05/1999	D13TL01	Tâm lý học	635
130	1113070027	Lê Thị Chinh	28/10/1998	D13TL01	Tâm lý học	670
131	1113070012	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1999	D13TL01	Tâm lý học	725
132	1113070022	Nguyễn Thị Vân	02/01/1999	D13TL01	Tâm lý học	755
133	1113070063	Nguyễn Duy Hiền	14/05/1998	D13TL01	Tâm lý học	770
134	1113070052	Lê Anh Tuấn	19/02/1999	D13TL01	Tâm lý học	870
III ĐẠI HỌC KHÓA 14						
135	1114030101	Hoàng Xuân Quang	07/08/2000	D14BH02	Bảo hiểm	420
136	1114030103	Nguyễn Ngọc Oanh	09/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	480
137	1114030112	Vũ Thị Ngọc Lan	18/12/2000	D14BH02	Bảo hiểm	480
138	1114030001	Nguyễn Trung Đức	28/05/2000	D14BH01	Bảo hiểm	600
139	1114030059	Phan Như Luyện	22/10/2000	D14BH02	Bảo hiểm	645
140	1114030111	Hoàng Thị Năm	19/10/2000	D14BH02	Bảo hiểm	695
141	1114030071	Nguyễn Hiếu Minh	21/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	760
142	1114030102	Kiều Thị Huyền	27/07/2000	D14BH02	Bảo hiểm	770
143	1114030045	Mai Thị Duyên	07/09/2000	D14BH01	Bảo hiểm	780
144	1114030063	Lê Đức Anh	08/11/2000	D14BH01	Bảo hiểm	800
145	1114030067	Phan Hạnh Hiền	30/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	885
146	1114030075	Trần Hương Giang	23/03/2000	D14BH02	Bảo hiểm	885
147	1114040017	Lê Thị Thu Huệ	13/09/2000	D14CT01	Công tác xã hội	420
148	1114040039	Đào Khánh Linh	03/06/2000	D14CT01	Công tác xã hội	475
149	1114040004	Nguyễn Ngọc Tân	09/05/2000	D14CT03	Công tác xã hội	480
150	1114040149	Lương Hà Quang Huy	04/02/2000	D14CT03	Công tác xã hội	480
151	1114040162	Bế Hà Thu	25/09/2000	D14CT03	Công tác xã hội	480
152	1114040133	Đào Thị Thảo	27/09/2000	D14CT02	Công tác xã hội	480
153	1114040082	Đặng Phương Thảo	16/04/2000	D14CT02	Công tác xã hội	540
154	1114040166	Lê Thị Diệu Linh	19/08/2000	D14CT03	Công tác xã hội	570
155	1114040076	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	18/12/2000	D14CT03	Công tác xã hội	585
156	1114040138	Phan Liên Sơn	14/08/2000	D14CT02	Công tác xã hội	680
157	1114040104	Nguyễn Văn Trang	06/02/2000	D14CT02	Công tác xã hội	745
158	1114040080	Nguyễn Minh Châu	04/09/2000	D14CT02	Công tác xã hội	810
159	1114060071	Đỗ Thị Hồng Hải	06/01/2000	D14KL02	Kinh tế	420

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
160	1114060024	Lê Trung Kiên	27/10/2000	D14KL01	Kinh tế	450
161	1114060063	Lê Quỳnh Mai	03/03/2000	D14KL01	Kinh tế	595
162	1114060075	Hoàng Thị Trâm Anh	02/06/2000	D14KL02	Kinh tế	810
163	1114060027	Lương Thanh Tùng	17/11/2000	D14KL02	Kinh tế	915
164	1114020088	Trần Văn Anh	21/10/2000	D14KT02	Kế toán	420
165	1114020097	Nguyễn Đình Duy	03/12/2000	D14KT02	Kế toán	425
166	1114020373	Trần Thị Ngọc Lan	20/09/2000	D14KT06	Kế toán	425
167	1114020374	Lương Thúy Quỳnh	18/01/2000	D14KT06	Kế toán	425
168	1114020364	Hoàng Thị Thanh Huyền	08/02/2000	D14KT06	Kế toán	435
169	1114020513	Trần Thùy Linh	29/11/2000	D14KT08	Kế toán	450
170	1114020054	Lê Phi Nam	05/11/2000	D14KT01	Kế toán	475
171	1114020036	Đỗ Anh Phương	29/10/2000	D14KT01	Kế toán	480
172	1114020271	Phạm Thị Tố Uyên	22/08/2000	D14KT04	Kế toán	480
173	1114020302	Lê Hào Quỳnh	06/12/2000	D14KT05	Kế toán	480
174	1114020521	Dương Thị Thanh Huyền	08/05/2000	D14KT08	Kế toán	480
175	1114020182	Đặng Thị Tính	15/03/2000	D14KT03	Kế toán	500
176	1114020554	Nguyễn Thị Huệ	15/01/2000	D14KT08	Kế toán	505
177	1114020433	Lê Thùy Linh	11/04/2000	D14KT07	Kế toán	515
178	1114020009	Trần Thị Oanh	11/08/2000	D14KT01	Kế toán	525
179	1114020619	Nguyễn Thị Kiều Mai	19/03/2000	D14KT09	Kế toán	525
180	1114020093	Bùi Thị Phương Minh	07/06/2000	D14KT02	Kế toán	535
181	1114020255	Nguyễn Thị Duyên	02/07/2000	D14KT04	Kế toán	540
182	1114020105	Nguyễn Thị Khánh Ngân	06/08/2000	D14KT02	Kế toán	570
183	1114020250	Phạm Trang Nhung	18/04/2000	D14KT04	Kế toán	570
184	1114020397	Vũ Quỳnh Thư	29/07/2000	D14KT06	Kế toán	570
185	1114020403	Phạm Thị Tuyết Mai	27/10/2000	D14KT06	Kế toán	570
186	1114020569	Nguyễn Mai Thương	28/01/2000	D14KT09	Kế toán	570
187	1114020538	Nguyễn Thu Huyền	11/11/2000	D14KT08	Kế toán	575
188	1114020127	Đinh Thị Hà Nhi	24/01/2000	D14KT02	Kế toán	585
189	1114020345	Phạm Thuý Dương	21/09/2000	D14KT05	Kế toán	585
190	1114020552	Nguyễn Tuấn Minh	10/02/2000	D14KT08	Kế toán	585
191	1114020086	Phạm Thị Minh Hòa	02/12/2000	D14KT02	Kế toán	595
192	1114020104	Lê Thu Hương	03/05/2000	D14KT02	Kế toán	595
193	1114020214	Vũ Ngọc Bảo	17/07/2000	D14KT04	Kế toán	595



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
194	1114020102	Nguyễn Thị Phương Anh	16/11/2000	D14KT02	Kế toán	600
195	1114020533	Tạ Thị Duyên	13/08/2000	D14KT08	Kế toán	635
196	1114020183	Trần Thị Phương Dung	25/03/2000	D14KT03	Kế toán	645
197	1114020284	Đinh Thị Thanh Xuân	13/12/2000	D14KT05	Kế toán	645
198	1114020544	Nguyễn Thủy Tiên	07/02/2000	D14KT08	Kế toán	645
199	1114020191	Đỗ Thị Thủy Trang	03/04/2000	D14KT03	Kế toán	650
200	1114020249	Trương Thị Lệ Thủy	10/10/2000	D14KT04	Kế toán	655
201	1114020461	Đỗ Thị Thu Anh	10/09/2000	D14KT07	Kế toán	655
202	1114020466	Trần Diệu Linh	19/10/2000	D14KT07	Kế toán	655
203	1114020503	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19/05/2000	D14KT08	Kế toán	655
204	1114020116	Nguyễn Thị Thu Dược	26/10/2000	D14KT02	Kế toán	685
205	1114020253	Phạm Thị Thu Thủy	29/04/2000	D14KT04	Kế toán	685
206	1114020033	Công Thị Khánh Huyền	19/11/2000	D14KT01	Kế toán	695
207	1114020157	Nguyễn Thị Tinh	15/07/2000	D14KT03	Kế toán	695
208	1114020517	Bùi Thị Quỳnh	06/10/2000	D14KT08	Kế toán	695
209	1114020040	Nguyễn Phương Anh	14/05/2000	D14KT01	Kế toán	705
210	1114020425	Lương Thị Trang	09/05/2000	D14KT07	Kế toán	705
211	1114020450	Nguyễn Thị Dung	26/02/2000	D14KT07	Kế toán	705
212	1114020539	Nguyễn Hoài Thu	12/09/2000	D14KT08	Kế toán	705
213	1114020213	Trần Thị Trà My	01/06/2000	D14KT04	Kế toán	710
214	1114020245	Lã Thị Lan Anh	02/07/2000	D14KT04	Kế toán	715
215	1114020090	Nguyễn Thị Huệ Chi	05/12/2000	D14KT02	Kế toán	740
216	1114020228	Nguyễn Thị Hằng	17/08/2000	D14KT04	Kế toán	740
217	1114020180	Hà Ngọc Dương	01/12/2000	D14KT03	Kế toán	740
218	1114020602	Tạ Khánh Dung	17/11/2000	D14KT09	Kế toán	740
219	1114020545	Nguyễn Thị Hạnh Thùy	16/08/2000	D14KT08	Kế toán	745
220	1114020518	Trịnh Hà Nhi	10/09/2000	D14KT08	Kế toán	770
221	1114020645	Tạ Đăng Dũng	27/11/2000	D14KT10	Kế toán	800
222	1114020559	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2000	D14KT08	Kế toán	810
223	1114020542	Đỗ Kiều Phương Linh	09/10/2000	D14KT08	Kế toán	855
224	1114080077	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/08/2000	D14LK02	Luật kinh tế	420
225	1114080099	Phạm Minh Vượng	26/04/2000	D14LK02	Luật kinh tế	420
226	1114080016	Nguyễn Văn Ninh	08/08/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
227	1114080116	Nguyễn Minh Phúc	25/10/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
228	1114080061	Nguyễn Thị Loan	28/11/2000	D14LK01	Luật kinh tế	570
229	1114050130	Bùi Vĩnh Phong	19/09/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	480
230	1114050188	Lê Phương Hồng	20/06/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	480
231	1114050121	Dương Hồng Vân	26/06/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	510
232	1114050076	Đỗ Thị Loan	13/02/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	525
233	1114050426	Vũ Thị Hoàng Yến	07/10/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	535
234	1114050174	Vương Văn Hiếu	02/12/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	540
235	1114050204	Hoàng Hữu Sơn	21/11/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	540
236	1114050050	Nguyễn Xuân Thành	14/10/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	575
237	1114050072	Nguyễn Hải Yến	25/04/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	655
238	1114050504	Lê Đức Việt	16/12/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	675
239	1114050370	Lê Tuấn Anh	21/07/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	695
240	1114050251	Diêm Đăng Kiên	11/05/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	705
241	1114050226	Đào Mạnh Tùng	06/07/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	715
242	1114050448	Nguyễn Thị Thanh Thủy	19/09/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	755
243	1114050378	Phạm Hồ Phương Trang	04/09/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	780
244	1114050457	Trần Hà Ngọc Diệp	30/09/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	780
245	1114050361	Nguyễn Kim Hoàn	16/09/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	975
246	1114010618	Vương Xuân Thị Hương	29/06/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	400
247	1114010112	Trần Tiến Đạt	29/12/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	420
248	1114010203	Lê Thị Phương Thảo	01/09/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	420
249	1114010559	Phan Thị Thuý Trang	22/05/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	420
250	1114010650	Nguyễn Thị Hồng	19/04/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	420
251	1114010305	Nguyễn Thị Hồng	21/02/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	425
252	1114010532	Đào Thị Thu Hoài	25/11/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	450
253	1114010343	Phạm Đức Cường	13/06/1997	D14QL05	Quản trị nhân lực	465
254	1114010332	Vũ Thị Thu Hằng	04/01/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	475
255	1114010021	Phùng Mai Anh	26/12/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	505
256	1114010103	Nguyễn Thị Minh Vượng	09/08/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	510
257	1114010585	Đỗ Thị Hằng	21/04/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	525
258	1114010182	Nguyễn Thị Xuân Trang	15/05/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	535
259	1114010401	Nguyễn Phạm Nhật Quang	27/12/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	540
260	1114010267	Nguyễn Anh Tuấn	16/05/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	540
261	1114010186	Lê Ngọc Anh	20/08/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	550

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
262	1114010690	Đào Thị Lan	05/03/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	550
263	1114010032	Lê Thị Hồng	18/11/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	565
264	1114010313	Nguyễn Thu Hương	15/09/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	565
265	1114010552	Ngô Lê Hải Ly	27/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	565
266	1114010286	Nguyễn Thị Giang	20/06/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	570
267	1114010318	Nguyễn Thị Kim Tuyền	07/07/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	570
268	1114010515	Nguyễn Kim Lan	10/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	570
269	1114010480	Lê Ngọc Ánh	20/08/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	585
270	1114010531	Nguyễn Thu Phương	17/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	585
271	1114010217	Trịnh Thanh Hà	04/11/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	595
272	1114010507	Công Khánh Linh	03/08/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	600
273	1114010254	Ngô Thị Ngọc Quỳnh	03/08/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	600
274	1114010130	Lê Thị Văn Anh	31/10/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	605
275	1114010087	Nguyễn Khánh Tùng Thư	28/10/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	625
276	1114010427	Nguyễn Lê Ngọc Mỹ	31/12/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	625
277	1114010114	Nguyễn Thị Nhung	21/05/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	645
278	1114010575	Nguyễn Thị Thảo	15/01/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	645
279	1114010288	Lê Liên Hương	11/08/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	655
280	1114010355	Đỗ Sơn Tùng	15/08/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	655
281	1114010645	Trần Thị Kim Ngân	22/02/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	655
282	1114010209	Phương Kim Anh	14/06/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	655
283	1114010024	Lăng Thị Linh	10/06/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	685
284	1114010274	Tô Thị Thương	01/02/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	695
285	1114010001	Lê Thị Thu Trang	26/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	705
286	1114010526	Nguyễn Thị Nhân	11/08/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	705
287	1114010689	Đỗ Thị Hoa	14/10/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	705
288	1114010265	Vì Thị Hải Anh	18/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	715
289	1114010452	Vũ Thị Minh Hoài	13/02/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	725
290	1114010234	Lê Thị Minh Anh	06/06/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	725
291	1114010039	Nguyễn Thị Thắm	29/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	740
292	1114010327	Nguyễn Thị Liễu	25/01/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	755
293	1114010486	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	760
294	1114010302	Nguyễn Văn Hoàng Ánh	20/01/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	770
295	1114010527	Bùi Diễm Quỳnh	11/11/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	770

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
296	1114010233	Tô Thị Thúy	20/05/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	770
297	1114010362	Đào Linh Chi	17/10/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	800
298	1114010538	Đặng Quỳnh Trang	26/03/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	820
299	1114010264	Nguyễn Niu Ton	19/08/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	820
300	1114010511	Đặng Thùy Linh	04/02/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	825
301	1114010045	Trịnh Thị Thanh Phượng	29/04/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	855
302	1114010475	Phạm Thị Ninh	02/02/1999	D14QL07	Quản trị nhân lực	885
303	1114070109	Nguyễn Việt Hoàng	18/12/2000	D14TL02	Tâm lý học	425
304	1114070120	Mã Trọng Huy	28/04/2000	D14TL02	Tâm lý học	480
IV ĐẠI HỌC KHÓA 15						
305	1115030019	Nguyễn Thị Mai Anh	16/02/2001	D15BH01	Bảo hiểm	515
306	1115030028	Nguyễn Huy Bách	14/12/2001	D15BH01	Bảo hiểm	575
307	1115030037	Lê Minh Tân	12/10/2001	D15BH01	Bảo hiểm	600
308	1115030035	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/02/2001	D15BH01	Bảo hiểm	740
309	1115030006	Trần Ngọc Khánh	12/11/2001	D15BH01	Bảo hiểm	840
310	1115040003	Lương Linh Nhâm	31/12/2001	D15CT01	Công tác xã hội	570
311	1115020464	Trần Thị Dung	29/06/1999	D15KT07	Kế toán	400
312	1115020058	Nguyễn Phương Mai	02/06/2001	D15KT01	Kế toán	420
313	1115020358	Trần Thị Cẩm Ly	01/03/2001	D15KT06	Kế toán	425
314	1115020393	Nguyễn Như Quỳnh	20/08/2001	D15KT07	Kế toán	425
315	1115020008	Lê Thị Hào	02/12/2001	D15KT01	Kế toán	475
316	1115020093	Hoàng Thị Thùy Linh	16/05/2001	D15KT02	Kế toán	475
317	1115020189	Đỗ Thị Phương Anh	19/02/2001	D15KT03	Kế toán	475
318	1115020378	Lương Mai Hương	18/01/2001	D15KT06	Kế toán	475
319	1115020491	Nguyễn Thị Hoa	13/08/2001	D15KT08	Kế toán	475
320	1115020112	Đặng Thị Ngát	24/12/2001	D15KT02	Kế toán	480
321	1115020395	Lê Diệu Linh	19/02/2001	D15KT07	Kế toán	480
322	1115020447	Đỗ Thị Thảo	13/12/2000	D15KT07	Kế toán	480
323	1115020472	Nguyễn Minh Trang	16/10/2001	D15KT08	Kế toán	525
324	1115020089	Phạm Thị Diệp	07/08/2001	D15KT02	Kế toán	535
325	1115020221	Nguyễn Thị Mai Linh	21/08/2001	D15KT04	Kế toán	535
326	1115020458	Hà Thị Việt Huế	15/07/2001	D15KT08	Kế toán	545
327	1115020082	Phạm Thị Ngọc Linh	13/03/2001	D15KT02	Kế toán	550
328	1115020346	Nguyễn Thị Minh Hồng	11/06/2001	D15KT06	Kế toán	590

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
329	1115020586	Phạm Thị Hương	23/07/2001	D15KT01	Kế toán	595
330	1115020070	Ngọc Ngân Hà	20/09/2001	D15KT02	Kế toán	595
331	1115020537	Nguyễn Việt Anh	11/08/2001	D15KT09	Kế toán	600
332	1115020109	Đỗ Khánh Linh	22/12/2001	D15KT02	Kế toán	625
333	1115020121	Nguyễn Thị Quyên	02/11/2001	D15KT02	Kế toán	635
334	1115020397	Lê Thị Phương Thảo	23/08/2001	D15KT07	Kế toán	635
335	1115020314	Kiều Yến Anh	04/08/2001	D15KT05	Kế toán	645
336	1115020204	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	21/11/2001	D15KT04	Kế toán	650
337	1115020046	Vũ Thị Thu Hòa	14/10/2001	D15KT01	Kế toán	655
338	1115020088	Đào Thị Minh Thu	31/05/2001	D15KT02	Kế toán	655
339	1115020428	Phạm Thị Huyền Trang	10/10/2001	D15KT07	Kế toán	670
340	1115020461	Hoàng Thị Minh Nguyệt	09/03/2001	D15KT08	Kế toán	670
341	1115020051	Vũ Hồng Nhung	30/03/2001	D15KT01	Kế toán	675
342	1115020032	Nguyễn Thiên Trang	28/11/2001	D15KT01	Kế toán	680
343	1115020489	Nguyễn Thị Huyền Linh	26/12/2001	D15KT08	Kế toán	680
344	1115020031	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/01/2001	D15KT01	Kế toán	685
345	1115020350	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/08/2001	D15KT06	Kế toán	685
346	1115020450	Phí Hồng Nhật	18/01/2001	D15KT07	Kế toán	685
347	1115020081	Nguyễn Thị Lan Anh	14/12/2001	D15KT02	Kế toán	705
348	1115020342	Nguyễn Việt Hà	15/11/2001	D15KT06	Kế toán	705
349	1115020146	Lưu Thị Thủy Trang	02/01/2001	D15KT03	Kế toán	710
350	1115020673	Trần Thị Khuyến	25/05/2000	D15KT06	Kế toán	715
351	1115020439	Nguyễn Thị Nga	17/04/2001	D15KT07	Kế toán	715
352	1115020108	Nguyễn Ngọc Tuyền	04/07/2001	D15KT02	Kế toán	730
353	1115020030	Đào Thị Phương Thu	31/12/2001	D15KT01	Kế toán	740
354	1115020084	Bùi Mai Chi	29/10/2001	D15KT02	Kế toán	740
355	1115020388	Bùi Mai Hạnh	26/09/2001	D15KT06	Kế toán	740
356	1115020513	Phạm Thị Thủy Linh	25/09/2001	D15KT08	Kế toán	740
357	1115020376	Lê Thu Thủy	22/08/2001	D15KT06	Kế toán	745
358	1115020085	Nguyễn Thị Mai	06/01/2001	D15KT02	Kế toán	755
359	1115020521	Lê Quốc Trung	27/01/2001	D15KT09	Kế toán	755
360	1115020625	Đỗ Thị Thu Huyền	21/12/2001	D15KT10	Kế toán	770
361	1115020028	Phạm Thùy Linh	09/03/2001	D15KT01	Kế toán	780
362	1115020036	Lê Thị Thanh Tâm	08/06/2001	D15KT01	Kế toán	810

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
363	1115020220	Nguyễn Thùy Giang	20/01/2001	D15KT04	Kế toán	810
364	1115020424	Nguyễn Ngọc Ánh	31/07/2001	D15KT07	Kế toán	810
365	1115020185	Bùi Thanh Lam	23/11/2001	D15KT03	Kế toán	825
366	1115020164	Trần Thị Bích Ngọc	08/12/2001	D15KT03	Kế toán	855
367	1115020038	Vũ Anh Đức	09/07/2001	D15KT01	Kế toán	870
368	1115080061	Nguyễn Nhật Minh	20/04/2001	D15LK01	Luật kinh tế	425
369	1115080140	Nguyễn Quang Hiệp	08/04/2001	D15LK02	Luật kinh tế	450
370	1115080149	Nguyễn Đình Nhân	28/03/2001	D15LK03	Luật kinh tế	480
371	1115080008	Nguyễn Đức Vinh	22/08/2001	D15LK01	Luật kinh tế	505
372	1115080129	Trần Phương Linh	27/12/2001	D15LK02	Luật kinh tế	515
373	1115080094	Phạm Thị Thu Trang	18/03/2001	D15LK03	Luật kinh tế	515
374	1115080069	Lê Thanh Xuân	05/09/2001	D15LK01	Luật kinh tế	535
375	1115080002	Phạm Bảo Chi	27/03/2001	D15LK01	Luật kinh tế	540
376	1115080044	Trần Thị Thu Trang	11/11/2001	D15LK03	Luật kinh tế	555
377	1115080010	Đỗ Lan Nhi	25/05/2001	D15LK01	Luật kinh tế	570
378	1115080040	Nguyễn Thị Yến	16/10/2000	D15LK01	Luật kinh tế	585
379	1115080145	Nguyễn Thị Phương Anh	10/03/2000	D15LK02	Luật kinh tế	595
380	1115080032	Nguyễn Phương Thảo	26/11/2001	D15LK03	Luật kinh tế	620
381	1115080146	Hoàng Ngọc Long	16/07/2001	D15LK02	Luật kinh tế	625
382	1115080073	Nguyễn Anh Quân	09/05/2001	D15LK01	Luật kinh tế	645
383	1115080078	Phạm Phú Sỹ	23/08/2001	D15LK03	Luật kinh tế	655
384	1115080059	Vũ Tuấn Hải	18/10/2001	D15LK01	Luật kinh tế	670
385	1115080045	Phạm Đình Hoàn	20/12/2001	D15LK01	Luật kinh tế	680
386	1115080055	Nguyễn Quang Minh	13/07/2001	D15LK01	Luật kinh tế	680
387	1115080029	Nguyễn Hoàng Hà	14/02/2001	D15LK01	Luật kinh tế	685
388	1115080180	Nguyễn Việt Anh	02/04/2001	D15LK01	Luật kinh tế	715
389	1115080106	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/08/2001	D15LK02	Luật kinh tế	770
390	1115080158	Nguyễn Thanh Tân	13/08/2001	D15LK03	Luật kinh tế	800
391	1115080139	Nguyễn Cảnh Đức	30/08/2001	D15LK02	Luật kinh tế	820
392	1115080048	Nguyễn Thùy Dương	15/05/2001	D15LK01	Luật kinh tế	900
393	1115050027	Ngô Thu Hằng	08/03/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	450
394	1115050138	Nguyễn Thị Thúy Hường	08/04/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	450
395	1115050248	Nguyễn Thị Thu Hằng	19/06/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	450
396	1115050452	Hoàng Mai Linh	20/09/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	450

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
397	1115050015	Nguyễn Thị Hậu	09/12/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	475
398	1115050397	Nguyễn Thanh Tâm	02/02/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	510
399	1115050056	Trương Đức Quang	22/12/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	540
400	1115050092	Lê Phạm Diễm Quỳnh	13/11/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	540
401	1115050160	Trần Phương Linh	08/06/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	540
402	1115050187	Ngô Hải Yến	17/12/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	540
403	1115050368	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	22/10/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	540
404	1115050482	Lê Tuấn Minh	10/11/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	540
405	1115050316	Ngô Việt Vương	08/12/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	570
406	1115050266	Nguyễn Đức Thuận	17/01/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	595
407	1115050437	Nguyễn Thị Thảo	02/04/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	595
408	1115050137	Phạm Văn Phúc	06/07/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	600
409	1115050175	An Thúy Hạnh	21/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	600
410	1115050180	Trần Thị Hiền	22/04/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	600
411	1115050300	Phạm Thúy Nga	24/08/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	600
412	1115050034	Phan Thị Lưu	30/08/2000	D15QK01	Quản trị kinh doanh	645
413	1115050019	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/06/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	670
414	1115050147	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	31/07/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	675
415	1115050159	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/12/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	685
416	1115050380	Hoàng Thị Thùy Dương	16/11/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	705
417	1115050129	Trần Thị Diễm	11/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	710
418	1115050254	Nguyễn Phương Anh	26/12/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	710
419	1115050399	Nguyễn Thị Thảo	22/12/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	730
420	1115050214	Nguyễn Trọng Huân	08/01/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	740
421	1115050049	Nguyễn Trang Nhung	29/12/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	770
422	1115050192	Nguyễn Thùy Dương	04/09/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	780
423	1115050038	Tạ Thị Thanh Phương	02/02/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	810
424	1115050200	Nguyễn Thị Thu Phương	01/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	855
425	1115050461	Trần Công Anh	29/01/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	870
426	1115010054	Bùi Thị Thùy	28/03/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	420
427	1115010530	Vũ Thị Hồng Nhung	10/01/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	475
428	1115010541	Trần Thị Ngọc Trâm	29/08/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	475
429	1115010528	Phan Thị Minh	03/03/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	480
430	1115010169	Lê Hồng Nhung	11/07/2000	D15QL03	Quản trị nhân lực	535

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
431	1115010546	Phạm Quỳnh Anh	14/12/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	565
432	1115010098	Nguyễn Thị Vân	03/05/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	570
433	1115010101	Đỗ Khánh Linh	08/03/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	570
434	1115010410	Đỗ Thanh Mai	17/01/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	585
435	1115010513	Hoàng Thị Thu Huyền	24/04/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	595
436	1115010109	Đồng Anh Hiếu	22/09/2001	D15QL02	Quản trị nhân lực	595
437	1115010026	Nguyễn Ngọc Uyên	05/10/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	600
438	1115010014	Đặng Hoài Nam	19/04/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	625
439	1115010024	Trần Mai Linh	07/08/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	625
440	1115010352	Phạm Thị Khánh Linh	11/02/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	630
441	1115010031	Giáp Thu Hoài	22/03/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	655
442	1115010062	Vương Thị Thu Quyên	03/01/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	655
443	1115010562	Viên Thế Thống	08/10/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	705
444	1115010460	Phan Thị Diệu Thúy	27/02/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	710
445	1115010557	Phạm Văn Đồng	16/12/2000	D15QL09	Quản trị nhân lực	715
446	1115010570	Trần Hải Hà	05/04/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	730
447	1115010011	Cao Thị Ngọc Mai	05/10/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	755
448	1115010405	Nguyễn Bích Ngọc	23/05/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	770
449	1115010318	Nguyễn Thanh Thủy	16/08/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	790
450	1115010569	Trần Thị Thu Linh	28/09/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	855
451	1115010308	Đào Thị Thu	19/02/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	880
452	1115010049	Nguyễn Thị Ninh	04/06/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	900
453	1115010563	Nguyễn Hoài Anh	27/02/2001	D15QL09	Quản trị nhân lực	930
454	1115070045	Vũ Đình Nam	28/01/2001	D15TL01	Tâm lý học	420
V	ĐẠI HỌC KHÓA 16					
455	1116030007	Cao Ngọc Khánh Dung	13/07/2002	D16BH01	Bảo hiểm	595
456	1116020162	Đàm Thị Thoa	30/01/2002	D16KT03	Kế toán	425
457	1116020205	Lê Phương Mai	06/10/2002	D16KT03	Kế toán	425
458	1116020679	Phạm Thị Ngọc Ánh	07/03/2002	D16KT10	Kế toán	460
459	1116020644	Phạm Trà My	27/11/2002	D16KT10	Kế toán	480
460	1116020635	Đào Thu Quỳnh	16/09/2002	D16KT10	Kế toán	570
461	1116020027	Nguyễn Phương Thảo	01/10/2002	D16KT01	Kế toán	645
462	1116080061	Phạm Đăng Quý	24/12/2002	D16LK01	Luật kinh tế	800
463	1116050351	Vũ Thị Yến Linh	19/02/2002	D16QK05	Quản trị kinh doanh	535

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
464	1116050234	Nguyễn Thị Thanh Hòa	01/03/2002	D16QK04	Quản trị kinh doanh	755
465	1116050460	Nguyễn Thị Phương	09/04/2002	D16QK07	Quản trị kinh doanh	755
466	1116050004	Trịnh Hằng Phương	25/10/2002	D16QK01	Quản trị kinh doanh	770
467	1116010007	Nguyễn Tuyết Hồng	09/11/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	420
468	1116010186	Nguyễn Thị Thanh Lam	02/12/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	450
469	1116010710	Nguyễn Thị Phương Nam	01/03/2002	D16QL11	Quản trị nhân lực	475
470	1116010336	Nguyễn Bảo Uyên	25/07/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	480
471	1116010055	Nguyễn Thị Thúy Cải	26/04/2002	D16QL01	Quản trị nhân lực	510
472	1116010241	Nguyễn Thị Hiền	22/09/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	515
473	1116010246	Phạm Thị Mai Hương	28/08/2002	D16QL04	Quản trị nhân lực	535
474	1116010282	Dương Thị Phương Anh	24/06/2002	D16QL05	Quản trị nhân lực	575
475	1116010398	Bùi Thị Vui	10/06/2002	D16QL06	Quản trị nhân lực	635
476	1116010632	Nguyễn Thanh Huyền	18/07/2002	D16QL10	Quản trị nhân lực	635
477	1116010193	Nguyễn Ngọc Uyên Trang	02/04/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	780
478	1116010165	Phạm Minh Thư	23/11/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	790
479	1116010163	Văn Đình Hòa	02/10/2002	D16QL03	Quản trị nhân lực	810

Danh sách này có 479 sinh viên. 


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng